

CÔNG TY CỔ PHẦN TK - XD - TM PHÚC THỊNH

-----000-----

Số: 08/PT-2018

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận lũy kế đến cuối quý IV năm 2018 so với báo cáo kiểm toán năm 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2019

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**Tên Cổ phiếu:** CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH  
**Mã cổ phiếu:** PTĐ  
**Địa chỉ:** 2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM  
**Mã số thuế:** 0302365984  
**Người đại diện:** Ông TÔ KHẢI ĐẠT Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2016 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình cụ thể khi số liệu, KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại báo cáo KQHĐKD trong BCTC quý IV/2018 so với KQHĐKD năm 2018 được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên.

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh giải trình KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại báo cáo KQHĐKD trong BCTC quý IV/2018 so với KQHĐKD năm 2018 được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2018	Năm 2018 đã được kiểm toán	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2018	Năm 2018 đã được kiểm toán	Tăng/Giảm	
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	369.302.159.809	369.302.159.809	-		376.327.601.398	376.536.146.387	208.544.989	
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02								
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (10 = 01 - 02)	<b>10</b>	<b>369.302.159.809</b>	<b>369.302.159.809</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>376.327.601.398</b>	<b>376.536.146.387</b>	<b>208.544.989</b>	<b>0,06%</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	331.403.196.009	332.283.670.634	880.474.625		335.943.386.838	336.689.101.849	745.715.011	
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>	<b>37.898.963.800</b>	<b>37.018.489.175</b>	<b>(880.474.625)</b>	<b>-2%</b>	<b>40.384.214.560</b>	<b>39.847.044.538</b>	<b>(537.170.022)</b>	<b>-1%</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	705.779.932	815.907.420	110.127.488		731.881.601	815.907.420	84.025.819	
7 Chi phí tài chính	22	4.860.830.019	4.860.830.019	-	0%	4.860.830.019	4.860.830.019	-	0%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	4.816.276.818	4.816.276.818	-		4.816.276.818	4.816.276.818	-	
8 Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(2.556.863.357)	(2.950.623.959)	(393.760.602)	13%	(2.556.863.357)	(2.950.623.959)	(393.760.602)	13%
9 Chi phí bán hàng	25	1.378.294.620	1.470.078.272	91.783.652		1.378.294.620	1.470.078.272	91.783.652	
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.064.123.409	24.091.865.132	(972.258.277)	-4%	27.618.889.673	26.649.977.890	(968.911.783)	-4%



CHỈ TIÊU	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2018	Năm 2018 đã được kiểm toán	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2018	Năm 2018 đã được kiểm toán	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
<b>11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21-22) - (25+26))	<b>30</b>	<b>4.744.632.327</b>	<b>4.460.999.213</b>	<b>(283.633.114)</b>	<b>-6%</b>	<b>4.701.218.492</b>	<b>4.731.441.818</b>	<b>30.223.326</b>	<b>1%</b>
12 Thu nhập khác	31	77.854.578	77.854.578	-		77.872.656	78.008.091	135.435	
13 Chi phí khác	32	2.291.261.565	2.291.261.566	1		2.271.262.565	2.291.261.566	19.999.001	
<b>14 Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)</b>	<b>40</b>	<b>(2.213.406.987)</b>	<b>(2.213.406.988)</b>	<b>(1)</b>	<b>0%</b>	<b>(2.193.389.909)</b>	<b>(2.213.253.475)</b>	<b>(19.863.566)</b>	<b>1%</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>2.531.225.340</b>	<b>2.247.592.225</b>	<b>(283.633.115)</b>	<b>-13%</b>	<b>2.507.828.583</b>	<b>2.518.188.343</b>	<b>10.359.760</b>	<b>0,41%</b>
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.156.352.996	1.115.235.010	(41.117.986)		1.234.312.344	1.193.256.171	(41.056.173)	
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52						0		
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 -52)	<b>60</b>	<b>1.374.872.344</b>	<b>1.132.357.215</b>	<b>(242.515.129)</b>	<b>-21%</b>	<b>1.273.516.239</b>	<b>1.324.932.172</b>	<b>51.415.933</b>	<b>4%</b>
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						1.195.444.867	1.247.902.189		
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						78.071.372	77.029.983		
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu						374	347		
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

#### BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận giảm là do kiểm toán trích thêm dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Bồi Long và Doanh thu tài chính của Công ty.

#### BCTC HỢP NHẤT

- Ngoài vấn đề lợi nhuận giảm sau kiểm toán trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ (đã nêu trên), quá trình lập Báo cáo Hợp nhất (lũy kế từ đầu kỳ đến cuối quý 4/2018) có sự nhầm lẫn về doanh thu (chưa cập nhật theo Báo cáo soát xét 6 tháng của kiểm toán) và loại trừ thiếu phần giao dịch nội bộ trong giá vốn hàng bán.

**Trân Trọng!**

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu P. Kế toán

TM. CTCP TCC 3SD TM PHÚC THỊNH



LU ĐÌNH HUỆ